

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 32

117
ÔN
TÌ
TIỀN
TỆ
XL

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Hải Chiến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Khương Đức Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 07 năm 2022)
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Luân	Thành viên
Ông Đỗ Đức Mạnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 07 năm 2022)
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2022)
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quế Lâm	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2022)
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2022)
Ông Đỗ Anh Thái	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26 tháng 07 năm 2022)
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên
Bà Hà Thị Hải Yến	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đoàn Hải Chiến - Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Xuân Hồng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Hồng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Số: 081002/2022/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2022, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty đang theo dõi trên tài khoản Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên với số tiền 4.000.000.000 đồng. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không đủ bằng chứng để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản đầu tư này. Đồng thời, Công ty cũng chưa trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của khoản đầu tư trên với số tiền 1.680.590.623 đồng. Theo đó, chỉ tiêu "Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước" trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ sẽ tăng - giảm với số tiền tương ứng là 1.680.590.623 đồng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 30/06/2022 là 190.208.411.475 đồng, vốn chủ sở hữu của Công ty là âm 39.503.762.675 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 359.408.789.108 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc có lãi trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và sự cơ cấu lại nợ của ngân hàng để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.4, Công ty cho Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân – cổ đông của Công ty vay với số tiền 10.707.000.000 đồng.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh trên.



Trần Thiện Thanh

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 1932-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.772.869.831	77.128.948.532
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.731.923.494	42.833.711.593
1. Tiền	111		15.731.923.494	39.133.711.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	3.700.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.587.470.164	34.100.480.370
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	51.735.258.034	12.523.803.720
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.840.820.778	6.940.471.731
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	10.707.000.000	11.827.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	20.829.079.494	20.333.893.061
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.9	(17.524.688.142)	(17.524.688.142)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	46.502.500	46.502.500
1. Hàng tồn kho	141		46.502.500	46.502.500
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		406.973.673	148.254.069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	406.973.673	148.254.069
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		645.142.848.157	666.872.584.541
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		49.815.000	49.815.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	49.815.000	49.815.000
II. Tài sản cố định	220		627.276.959.170	654.633.780.387
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	627.276.959.170	654.633.780.387
- Nguyên giá	222		1.158.297.865.864	1.158.635.865.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(531.020.906.694)	(504.002.085.477)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.220.590.623	3.220.590.623
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12	(1.069.409.377)	(1.069.409.377)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.8	290.000.000	290.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		14.595.483.364	8.968.398.531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	14.595.483.364	8.968.398.531
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		735.915.717.988	744.001.533.073

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		775.419.480.663	810.073.739.979
I. Nợ ngắn hạn	310		450.181.658.939	467.869.918.255
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	31.296.172.770	41.132.820.482
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	10.652.480.659	16.558.108.545
3. Phải trả người lao động	314		1.208.003.391	2.522.759.705
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	365.668.382.421	366.045.588.826
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	951.374.206	1.902.748.414
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	7.861.377.698	7.164.024.489
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	32.543.867.794	32.543.867.794
II. Nợ dài hạn	330		325.237.821.724	342.203.821.724
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	17.124.735.724	17.124.735.724
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1.250.000.000	1.250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	306.863.086.000	323.829.086.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(39.503.762.675)	(66.072.206.906)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(39.503.762.675)	(66.072.206.906)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.460.000.000	152.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.460.000.000	152.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(242.331.150)	(242.129.676)
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.513.020.050)	(1.513.020.050)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(190.208.411.475)	(216.777.057.180)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(216.777.057.180)	(252.871.267.632)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.568.645.705	36.094.210.452
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		735.915.717.988	744.001.533.073

Bùi Lan Hương
Người lập


Lào Cai, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Bùi Lan Hương
Phó Kế toán trưởngNguyễn Xuân Hồng
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	100.233.339.871	64.950.860.688
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.233.339.871	64.950.860.688
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	47.523.687.508	41.795.870.568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.709.652.363	23.154.990.120
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	480.453.916	751.433.075
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.549.699.922	18.334.100.157
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.215.817.453	18.334.100.157
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.354.550.284	3.638.956.359
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.285.856.073	1.933.366.679
10. Thu nhập khác	31	VI.6	576.133.733	-
11. Chi phí khác	32	VI.7	851.116.612	65.299.895
12. Lợi nhuận khác	40		(274.982.879)	(65.299.895)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.010.873.194	1.868.066.784
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	2.442.227.489	225.462.606
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.568.645.705	1.642.604.178
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.757	109
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.757	109


Bùi Lan Hương
Người lập

Lào Cai, ngày 10 tháng 08 năm 2022


Bùi Lan Hương
Phó Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hồng
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	29.010.873.194	1.868.066.784
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	27.314.772.390	27.335.921.199
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.056.586.907)	(751.433.075)
Chi phí lãi vay	06	20.215.817.453	18.334.100.157
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	75.484.876.130	46.786.655.065
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(37.391.260.098)	(6.851.884.812)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(15.798.807.071)	(17.125.842.899)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(5.885.804.437)	(3.153.057.436)
Tiền lãi vay đã trả	14	(20.486.687.531)	(11.165.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.061.011.130)	(1.220.519.699)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.138.694.137)	7.270.350.219
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(80.000.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	618.181.818	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(21.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.120.000.000	17.500.000.000
5. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	264.724.220	40.998.075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.002.906.038	(3.539.001.925)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.966.000.000)	(11.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.966.000.000)	(11.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(23.101.788.099)	(7.368.651.706)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	42.833.711.593	23.510.844.817
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.731.923.494	16.142.193.111


Bùi Lan Hương
Người lập

Lào Cai, ngày 10 tháng 08 năm 2022


Bùi Lan Hương
Phó Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Hồng
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên) (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 1203000045 ngày 09/03/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 cấp ngày 01/08/2022.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 595/QĐ-SGDHN ngày 21/09/2016 với mã chứng khoán là SP2.

2. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là bán điện thương phẩm.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	Bản Dền, xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai	40%	40%	Xây dựng nhà các loại

4. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét.

5. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 35 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 51 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2022, lỗ lũy kế của Công ty là 190.208.411.475 đồng, vốn chủ sở hữu của Công ty là âm 39.503.762.675 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 359.408.789.108 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây đều có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông. Hội đồng Quản trị Công ty đang nỗ lực tìm kiếm các cổ đông chiến lược có nguồn tài chính vững mạnh, xây dựng các phương án tăng vốn điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tại ngày 21/07/2022, Công ty có Nghị quyết HĐQT số 27/2022/NQ-HĐQT về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và xác nhận số dư nợ để thực hiện phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu. Công ty cũng đồng thời tiếp tục làm việc với ngân hàng để cơ cấu trả nợ phần lãi và gốc.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải	05 - 18
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)***

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa,... Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 có doanh thu hoạt động của dự án hưởng ưu đãi từ năm 2012. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000147 lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2009 và thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 12 năm 2011, Công ty có dự án Thủy điện Sử Pán 2. Mục tiêu để sản xuất điện hòa vào lưới điện quốc gia, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phát điện lên lưới điện Quốc gia.

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 04 dự án mới phát sinh doanh thu. Do đó căn cứ vào các quy định trên Công ty được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế như sau:

- Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm;
- Thời gian miễn thuế 04 năm từ năm 2015-2018;
- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo từ năm 2019-2027.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Lãi trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	172.345.356	3.811.037.753
Tiền gửi ngân hàng	15.559.578.138	35.322.673.840
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	3.700.000.000
Cộng	19.731.923.494	42.833.711.593

- (*) Tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với lãi suất từ 0,3%/năm đến 3%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	51.718.758.034	12.507.303.720
Các đối tượng khác	16.500.000	16.500.000
Cộng	51.735.258.034	12.523.803.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	2.065.821.581	2.065.821.581
Công ty TNHH Phú Đức	875.036.951	875.036.951
Công ty TNHH Một thành viên Quảng Ly	570.000.000	-
Các đối tượng khác	1.329.962.246	3.999.613.199
Cộng	4.840.820.778	6.940.471.731
b) Trả trước cho người bán là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	-	2.065.821.581

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân (i)	10.707.000.000	10.707.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	-	1.120.000.000
Cộng	10.707.000.000	11.827.000.000
b) Phải thu về cho vay là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	10.707.000.000	11.827.000.000

- (i) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân vay theo Hợp đồng cho vay số 01/2021/HĐVV - ĐTAX ngày 14/01/2021 với tổng số tiền cho vay là 12.000.000.000 đồng. Lãi suất là 7 %/năm. Thời hạn cho vay là 90 ngày kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Mục đích khoản vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Khoản cho vay được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/NQ-SP2-HĐQT ngày 14/01/2021. Theo phụ lục hợp đồng số 02/PLĐVV-ĐTAX ngày 16/09/2021 và phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐVV-ĐTAX ngày 17/03/2022, khoản vay được gia hạn đến ngày 31/12/2022.

5. Phải thu khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng	372.932.830	332.339.813
Lỗi thanh lý dự án Nậm Cùn chờ xử lý (*)	14.654.688.095	14.654.688.095
Các khoản phải thu khác	5.801.458.569	5.346.865.153
Cộng	20.829.079.494	20.333.893.061
b) Dài hạn		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	49.815.000	49.815.000
Cộng	49.815.000	49.815.000
c) Phải thu khác là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	2.363.156.639	2.147.426.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. Phải thu khác (Tiếp theo)**

- (*) Ngày 29/10/2014, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai có quyết định số 3130/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận đầu tư số 1212100107 đã cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên (nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2) về việc thực hiện dự án Nậm Cùn.

Để thu hồi chi phí đã đầu tư trước đó, Công ty ký hợp đồng xử lý tài sản số 31/HĐXLTS/2015 ngày 11/02/2015 với Công ty CP Xây dựng và Thương mại 299 (chủ đầu tư mới của dự án Thủy điện Nậm Cùn) với giá trị hợp đồng là 42.974.014.000 đồng. Tổng chi phí đầu tư thực tế của Công ty đến thời điểm xử lý dự án là 57.628.702.095 đồng. Theo đó, lỗ từ việc thanh lý dự án là 14.654.688.095 đồng. Công ty đã bàn giao đầy đủ hồ sơ tài liệu của dự án cho Công ty CP Xây dựng và Thương mại 299.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.502.500	-	46.502.500	-
Cộng	46.502.500	-	46.502.500	-

7. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	368.874.918	141.298.903
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	33.234.403	2.579.999
Chi phí phân bổ khác	4.864.352	4.375.167
Cộng	406.973.673	148.254.069
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa	13.432.105.433	7.685.512.856
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	641.061.028	593.759.517
Chi phí trả trước khác	522.316.903	689.126.158
Cộng	14.595.483.364	8.968.398.531

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trái phiếu (*)	290.000.000	290.000.000
Cộng	290.000.000	290.000.000

- (*) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 29 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu Công ty nắm giữ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Thời hạn 10 năm. Ngày phát hành là 19/12/2018. Ngày đáo hạn là 19/12/2028. Lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 1%/năm. Lãi trả định kỳ 1 năm 1 lần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Dự án Nậm Cùn	14.654.688.095	-	14.654.688.095	14.654.688.095
Công ty TNHH Phú Đức	875.036.951	-	875.036.951	-
Ông Bùi Khắc Hoàng	825.000.000	-	825.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Phúc	331.284.942	-	331.284.942	-
Xí nghiệp điện cao thế Miền Bắc	311.500.000	-	311.500.000	-
Các đối tượng khác	681.928.154	154.750.000	527.178.154	154.750.000
Cộng	17.679.438.142	154.750.000	17.524.688.142	17.679.438.142
				154.750.000
				17.524.688.142

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số thực nộp/ bù trừ trong kỳ		Số cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	6.066.303.729		7.323.537.366		10.422.845.142		2.966.995.953	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.205.610.820		2.442.227.489		4.061.011.130		1.586.827.179	
Thuế thu nhập cá nhân	4.726.423		127.850.417		123.387.265		9.189.575	
Thuế tài nguyên	4.043.437.689		7.721.930.826		7.137.321.987		4.628.046.528	
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	3.238.029.884		3.831.775.152		5.608.383.612		1.461.421.424	
Cộng	16.558.108.545		21.447.321.250		27.352.949.136		10.652.480.659	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu kỳ	569.227.727.436	477.139.194.717	111.713.764.711	555.179.000	1.158.635.865.864
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(338.000.000)	-	(338.000.000)
Tại ngày cuối kỳ	569.227.727.436	477.139.194.717	111.375.764.711	555.179.000	1.158.297.865.864
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu kỳ	228.387.627.859	223.804.355.404	51.425.073.187	385.029.027	504.002.085.477
Khấu hao trong kỳ	11.425.107.372	12.719.393.298	3.129.337.218	40.934.502	27.314.772.390
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(295.951.173)	-	(295.951.173)
Phân loại lại	-	6.071.424	-	(6.071.424)	-
Tại ngày cuối kỳ	239.812.735.231	236.529.820.126	54.258.459.232	419.892.105	531.020.906.694
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	340.840.099.577	253.334.839.313	60.288.691.524	170.149.973	654.633.780.387
Tại ngày cuối kỳ	329.414.992.205	240.609.374.591	57.117.305.479	135.286.895	627.276.959.170

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 623.594.299.689 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 650.473.759.761 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 475.216.147 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 475.216.147 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ			
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	40,00%	4.000.000.000	(1.069.409.377)	40,00%	4.000.000.000	(1.069.409.377)
Cộng		4.000.000.000	(1.069.409.377)		4.000.000.000	(1.069.409.377)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (SOMEKO)	13.625.310.422	13.625.310.422	18.625.310.422	18.625.310.422
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	7.721.823.557	7.721.823.557	13.221.823.557	13.221.823.557
Các nhà cung cấp khác	9.949.038.791	9.949.038.791	9.285.686.503	9.285.686.503
Cộng	31.296.172.770	31.296.172.770	41.132.820.482	41.132.820.482
b) Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	-	-	37.299.076.033	37.299.076.033

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa,
Tỉnh Lào Cai**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước chi phí công trình Sử Pán 2	460.686.813	460.686.813
Chi phí vận hành đường dây	100.116.550	130.151.515
Trích trước chi phí phải trả chi phí xây dựng công trình Thủy điện Sử Pán 2 theo quyết toán	6.595.018.871	6.595.018.871
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	358.431.169.707	358.702.039.785
Chi phí phải trả khác	81.390.480	157.691.842
Cộng	365.668.382.421	366.045.588.826

15. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	951.374.206	1.902.748.414
Cộng	951.374.206	1.902.748.414
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	17.124.735.724	17.124.735.724
Cộng	17.124.735.724	17.124.735.724

16. Phải trả khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	167.397.737	132.627.737
Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)	5.500.000.000	5.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.193.979.961	1.531.396.752
Cộng	7.861.377.698	7.164.024.489
b) Dài hạn		
Nhận ủy thác của cán bộ nhân viên để đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	1.250.000.000	1.250.000.000
Cộng	1.250.000.000	1.250.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	32.543.867.794	32.543.867.794	-	-	32.543.867.794	32.543.867.794
Tổng Công ty Sông Đà (*)	32.543.867.794	32.543.867.794	-	-	32.543.867.794	32.543.867.794
+ Gốc vay	14.500.000.000	14.500.000.000	-	-	14.500.000.000	14.500.000.000
+ Lãi vay nhập gốc	18.043.867.794	18.043.867.794	-	-	18.043.867.794	18.043.867.794
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ - Vinacomin	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Cộng	32.543.867.794	32.543.867.794	-	-	32.543.867.794	32.543.867.794
Các khoản vay với bên liên quan	-	-	-	-	-	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	-	-	-	-	32.543.867.794	32.543.867.794

(*) Vay Tổng Công ty Sông Đà theo hợp đồng số 06/2011/HỆTĐ/TPĐSD-SĐHL với số dư gốc vay là 15 tỷ đồng. Phần lãi vay phát sinh hàng năm của khoản vay này và phần lãi phát sinh từ khoản nợ phải trả người bán được Công ty nhập gốc nợ vay, lũy kế đến 01/01/2019 là 18.043.867.794 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa,
Tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ dài hạn	306.863.086.000	306.863.086.000	-	16.966.000.000	323.829.086.000	323.829.086.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	150.560.249.000	150.560.249.000	-	8.323.000.000	158.883.249.000	158.883.249.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	156.302.837.000	156.302.837.000	-	8.643.000.000	164.945.837.000	164.945.837.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Cộng	306.863.086.000	306.863.086.000			323.829.086.000	323.829.086.000

Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) cùng các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28/12/2012 và số 01/2013/HĐ ngày 17/05/2013. Tổng số tiền vay tối đa là 813.817.430.279 đồng, thời hạn vay là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng). Lãi suất vay là 10%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Sử Pán 2 (bao gồm tài sản hiện có và hình thành trong tương lai) cùng Quyền sử dụng đất tại dự án Thủy điện Sử Pán 2 của bên vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	-
Trong năm thứ hai	46.749.776.000	43.158.776.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	260.113.310.000	280.670.310.000
Cộng	306.863.086.000	323.829.086.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	306.863.086.000	323.829.086.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	152.460.000.000	(241.725.621)	(1.513.020.050)	(252.871.267.632)	(102.166.013.303)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	36.094.210.452	36.094.210.452
Phí lưu ký cổ phiếu quỹ chưa tái phát hành thành công	-	(404.055)	-	-	(404.055)
Số dư đầu kỳ này	152.460.000.000	(242.129.676)	(1.513.020.050)	(216.777.057.180)	(66.072.206.906)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	26.568.645.705	26.568.645.705
Phí lưu ký cổ phiếu quỹ chưa tái phát hành thành công (*)	-	(201.474)	-	-	(201.474)
Số dư cuối kỳ này	152.460.000.000	(242.331.150)	(1.513.020.050)	(190.208.411.475)	(39.503.762.675)

(*) Khoản tái phát hành cổ phiếu quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 05/NQ-SP2-HĐQT ngày 24/02/2021 về việc phê duyệt phương án bán cổ phiếu quỹ của Công ty. Mục đích tái phát hành cổ phiếu quỹ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá bán theo giá của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Đại lý thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ là Công ty CP Chứng khoán FPT. Số lượng cổ phiếu quỹ sẽ thực hiện tái phát hành lại là 205.000 cổ phiếu.

Tính đến ngày 30/06/2022, Công ty đã thực hiện tái phát hành thành công 82.000 cổ phiếu quỹ với giá tái phát hành là 10.000 đồng/ cổ phiếu. Phí lưu ký 123.000 cổ phiếu chưa tái phát hành lại thành công, Công ty ghi nhận giảm thặng dư vốn cổ phần trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**19. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 cấp ngày 01/08/2022, vốn điều lệ của Công ty là 152.460.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	34.586.800.000	34.586.800.000
Ông Nguyễn Phong Danh	31.008.000.000	-
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	28.060.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng An Xuân	26.890.500.000	26.890.500.000
Tổng Công ty Sông Đà	-	58.060.000.000
Các đối tượng khác	31.914.700.000	32.922.700.000
Cộng	152.460.000.000	152.460.000.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.246.000	15.246.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.246.000	15.246.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.246.000	15.246.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	123.000	123.000
- Cổ phiếu phổ thông	123.000	123.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.123.000	15.041.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.123.000	15.041.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

20. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là bán điện thương phẩm và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	98.726.656.330	63.410.046.716
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây	951.374.208	951.374.208
Doanh thu dịch vụ khác	555.309.333	589.439.764
Cộng	100.233.339.871	64.950.860.688

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	46.711.827.911	40.728.335.734
Giá vốn của dịch vụ cho thuê đường dây đã cung cấp	256.550.264	397.325.365
Giá vốn dịch vụ khác	555.309.333	670.209.469
Cộng	47.523.687.508	41.795.870.568

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	480.453.916	751.433.075
Cộng	480.453.916	751.433.075

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	20.215.817.453	18.334.100.157
Chi phí tài chính khác	333.882.469	-
Cộng	20.549.699.922	18.334.100.157

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	12.568.635	12.938.118
Chi phí nhân công	2.351.647.590	2.448.123.439
Chi phí khấu hao TSCĐ	145.439.064	166.587.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	445.802.031	445.679.166
Chi phí bằng tiền khác	399.092.964	565.627.763
Cộng	3.354.550.284	3.638.956.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**6. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	576.132.991	-
Các khoản khác	742	-
Cộng	576.133.733	-

7. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thuế bị truy thu, tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	821.116.612	65.299.895
Các khoản khác	30.000.000	-
Cộng	851.116.612	65.299.895

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.010.873.194	1.868.066.784
<u>Thu nhập hưởng ưu đãi thuế</u>	27.309.886.397	794.980.570
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	14.730.716.195	13.595.316.667
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	14.730.716.195	13.595.316.667
Thu nhập tính thuế	42.040.602.592	14.390.297.237
Thuế suất ưu đãi	5%	5%
Thuế TNDN	2.102.030.130	719.514.862
<u>Thu nhập không hưởng ưu đãi thuế</u>	1.700.986.797	1.073.086.214
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	65.299.895
<i>Chi phí không được trừ</i>	-	65.299.895
Thu nhập tính thuế	1.700.986.797	1.138.386.109
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN	340.197.359	227.677.222
Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2020 với hoạt động hưởng ưu đãi	-	(721.729.478)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.442.227.489	225.462.606

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế và thay đổi tùy theo từng thời kỳ. Việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.568.645.705	1.642.604.178
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.568.645.705	1.642.604.178
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.123.000	15.123.000
Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.757	109

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.568.635	221.171.148
Chi phí nhân công	5.135.941.522	4.717.938.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.314.772.390	27.335.921.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.464.156.303	5.044.418.435
Chi phí khác bằng tiền	11.950.798.942	8.115.378.014
Cộng	50.878.237.792	45.434.826.927

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*****Danh sách các bên liên quan:*****Bên liên quan**

Tổng Công ty Sông Đà (thoái vốn tại Sử Pán 2 tại ngày 08/04/2022)
 Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)
 Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên
 Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)
 Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)
 Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (bên liên quan tại 31/12/2021)
 Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)
 Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân
 Công ty Cổ phần Năng lượng An Xuân
 Ông Nguyễn Phong Danh
 Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt
 Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương (bên liên quan tại 31/12/2021)
 Ông Đoàn Hải Chiến
 Ông Nguyễn Xuân Hồng
 Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty đầu tư
 Chung Công ty đầu tư
 Công ty liên kết
 Chung Công ty đầu tư
 Chung Công ty đầu tư
 Chung Công ty đầu tư
 Chung Công ty đầu tư
 Cổ đông lớn
 Cổ đông lớn
 Cổ đông lớn
 Cổ đông lớn
 Công ty có liên quan
 Chủ tịch HĐQT
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cho vay	-	21.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	-	21.000.000.000
Thu hồi gốc vay	-	17.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	-	17.500.000.000
Lãi cho vay phát sinh	376.826.917	699.125.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	376.826.917	663.930.556
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương (bên liên quan tại 31/12/2021)	-	35.194.444

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	32.543.867.794
Tổng Công ty Sông Đà (thoái vốn tại Sử Pán 2 tại ngày 08/04/2022)	-	32.543.867.794
Phải trả người bán ngắn hạn	-	37.299.076.033
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (bên liên quan tại 31/12/2021)	-	18.625.310.422
Xí nghiệp Sông Đà 10.4 - Công ty CP Sông Đà 10 (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)	-	9.675.316.934
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)	-	3.546.506.623
Tổng Công ty Sông Đà (thoái vốn tại Sử Pán 2 tại ngày 08/04/2022)	-	1.191.787.103
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)	-	2.737.964.535
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)	-	58.900.641
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (bên liên quan tại ngày 31/12/2021)	-	1.463.289.775
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	2.065.821.581
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (bên liên quan tại 31/12/2021)	-	2.065.821.581
Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.707.000.000	11.827.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	10.707.000.000	10.707.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương (bên liên quan tại 31/12/2021)	-	1.120.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.363.156.639	2.147.426.943
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	2.363.156.639	1.986.329.722
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương (bên liên quan tại 31/12/2021)	-	161.097.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)***Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ:*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Đoàn Hải Chiến - Chủ tịch HĐQT	280.080.000	36.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hồng - Tổng Giám đốc	244.918.261	242.230.000
Ông Nguyễn Quang Luân - Thành viên HĐQT	24.000.000	8.000.000
Ông Khương Đức Dũng - Thành viên HĐQT	20.477.244	24.000.000
Ông Đỗ Đức Mạnh - Thành viên HĐQT	16.000.000	24.000.000
Ông Bùi Quế Lâm - Phó Tổng Giám đốc	24.180.000	156.046.364
Ông Bui Quang Chung - Phó Tổng Giám đốc	73.360.000	12.000.000
Ông Đỗ Anh Thái - Trưởng BKS	16.000.000	24.000.000
Ông Phạm Văn Tuyền - Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Bà Hà Thị Hải Yến - Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Các thành viên khác	-	246.132.850
Cộng	735.015.505	808.409.214

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

- Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 0 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc theo kế ước thông thường: 16.966.000.000 đồng.

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét.


 Bùi Lan Hương
 Người lập

Lào Cai, ngày 10 tháng 08 năm 2022


 Bùi Lan Hương
 Phó Kế toán trưởng


 Nguyễn Xuân Hồng
 Tổng Giám đốc
